

Bản án số 267/2020/HS-PT

Ngày 09-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Ngô Tự Học;
ông Hoàng Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Chu Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 680/2018/TLHS-PT ngày 31 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Đỗ Xuân T do có kháng cáo của bị cáo và nguyên đơn dân sự đối với Bản án số 257/2018/HSST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

Đỗ Xuân T sinh năm 1988; trú tại tổ 1B, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà Th; có vợ là A và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 29-9-2017, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông B- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV HT, Đoàn Luật sư thành phố HN, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự kháng cáo:

Công ty cổ phần đầu tư thương mại TL, địa chỉ: ki ốt số 9, nhà G3, Đại học quốc gia HN; số 144 đường XT, quận CG, thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp:

L - Phó Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại TL (tham gia tố tụng theo ủy quyền của Giám đốc Công ty), sinh năm 1970, trú tại: phòng 401, CT5, đơn nguyên 1, Đô thị MĐ, MT, xã MĐ, huyện Tl, thành phố HN, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:* anh B sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: khu 3, phường ĐX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ; hiện trú tại: tổ dân phố CT2, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tòa án cấp sơ thẩm kết án Đỗ Xuân T về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 09-3-2014, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thái Nguyên nhận được đơn trình báo của anh B tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền của Đỗ Xuân T thông qua việc anh B đứng ra bảo lãnh thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota - Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783, số khung: RKL BZ42EZA - 7502900, số máy: 3ZZ - A250373 của Công ty cổ phần đầu tư thương mại TL (Công ty TL) địa chỉ: ki ốt số 9, nhà G3 trường Đại học quốc gia Hà Nội tại số 144 đường XT, quận CG, thành phố HN, sau đó bỏ trốn.

Căn cứ các tài liệu thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra đối với Đỗ Xuân T về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 29-9-2017, Đỗ Xuân T bị bắt, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án; quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, thay đổi khởi tố bị can từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Xuân T.

Ngày 14-11-2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan điều tra - Công an thành phố Hà Nội để điều tra theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: năm 2013, Đỗ Xuân T nợ tiền của nhiều người, không có khả năng trả nên T có ý định xuống HN thuê xe ô tô tự lái mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Ngày 16-12-2013, T gọi điện thoại cho bạn là anh B, làm việc tại Công ty Bảo hiểm bưu điện Thăng Long, thành phố HN nhờ anh B tìm người cho thuê xe ô tô tự lái. T nói với anh B là thuê xe để đi đám cưới và hẹn ngày hôm sau sẽ xuống HN gặp anh B. Khoảng 13 giờ ngày 17-12-2013, T cùng vợ là chị A đi xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 20H5 - 6785 từ TN xuống HN gặp anh B. Thông qua quan hệ công tác, anh B biết Công ty TL có chức năng cho thuê xe ô tô tự lái nên anh B dẫn T đến địa điểm kinh doanh của Công ty TL để T làm thủ tục thuê xe. Do không có hộ khẩu ở HN nên Công ty TL không cho T thuê xe, T đã nhờ anh B đứng tên thuê hộ xe ô tô và hẹn ngày 18-12-2013 sẽ chuyển tiền cho anh B để anh B trả tiền đặt cọc thuê xe. Do tin tưởng T, anh B đã đứng tên làm thủ tục ký Hợp đồng số 6741 ngày 17-12-2013, thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota - Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783, số khung: RKL BZ42EZA - 7502900, số máy: 3ZZ - A250373, người đứng tên trong hợp đồng bên thuê xe là anh B, người lái xe là T, số tiền đặt cọc là 10.000.000 đồng. Theo yêu cầu của Công ty, T đã đặt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20H5 - 6785 mà T đang sử dụng là tài sản ký cược. Thời gian thuê là từ 18 giờ 30 phút ngày 17-12-2013 đến 08 giờ ngày 27-12-2013, giá thuê là

1.100.000 đồng/ngày. Anh B khai vào ngày 18-12-2013, T đã chuyển cho anh 10.000.000 đồng đặt cọc thuê xe. Số tiền này anh đã trả cho Công ty TL theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình điều tra, Đỗ Xuân T khai: sau khi thuê được xe, ngày 18-12-2013, T đem xe ô tô trên cầm cố cho chị Bùi Thị Nguyệt NN, sinh năm: 1984, trú tại: xóm Đông, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên lấy 250.000.000 đồng (không làm giấy tờ cầm cố); sử dụng để đánh bạc và bị thua khoảng 130.000.000 đồng, T gửi cho anh B 20.000.000 đồng, số tiền còn lại chi tiêu cá nhân; đến ngày 23-12-2013, T đã bỏ trốn đến lên tỉnh Cao Bằng, sau đó trốn đi nhiều tỉnh khác để trốn nợ.

Đối với Công ty TL sau khi cho anh B thuê xe ô tô, Công ty thường xuyên định vị để theo dõi, quản lý xe ô tô. Đến khoảng 23 giờ ngày 23-12-2013, Công ty xác định chiếc xe ô tô đó đã bị ngắt hệ thống định vị tại thành phố TN nên đã liên hệ với anh B làm rõ việc xe ô tô bị ngắt định vị. Anh B gọi điện cho T nhưng không liên lạc được nên đã đến nhà T ở TN thì được biết T đã cầm cố chiếc xe ô tô trên rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Anh B đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên, tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T. Đến ngày 29-9-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên đã bắt được T tại xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Chị NN khai: vào khoảng tháng 12/2013, Đỗ Xuân T đến nhà chị tại xóm Đông, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên cầm cố chiếc xe ô tô Toyota - Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783 để vay số tiền 250.000.000 đồng. Khi cầm cố T nói chiếc xe ô tô trên là của T, xe có giấy tờ để trong cốp xe. T và chị NN không viết giấy tờ vay mượn. Khi cầm cố xe, T nói tối quay lại trả tiền và lấy lại xe, do tin tưởng T nên chị NN đồng ý và giao tiền cho T, T đưa chìa khóa xe và bỏ đi, chị NN mở cốp xe kiểm tra phát hiện không thấy có giấy tờ xe như T nói, chị NN đã gọi điện cho T nhưng không liên lạc được, chị NN đến nhà T thì được bố mẹ T cho biết T bỏ nhà đi đâu không rõ.

Ngày 16-4-2014, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên thu giữ 01 chiếc xe ô tô Toyota - Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783 do chị NN giao nộp.

Ngày 08-5-2014, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên thu giữ 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 20H5 - 6785 do anh MT, là nhân viên phòng kinh doanh, Công ty TL giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 750/STC-QLG ngày 22-4-2014, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên, kết luận trị giá chiếc xe ô tô Toyota, Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783 trị giá là 539.000.000 đồng.

Ngày 10-6-2014, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Nguyên đã trao trả chiếc xe ô tô Toyota - Corolla, biển kiểm soát 30Z - 5783 cho L là đại diện hợp pháp của Công ty TL. Đại diện Công ty TL yêu cầu được bồi thường tổng số tiền là 223.000.000 đồng, trong đó 27.000.000 đồng là tiền chi phí sửa

chữa xe (không có hóa đơn chứng từ) và 196.000.000 đồng là tiền Công ty thuê xe từ ngày 17-12-2013 đến ngày 10-6-2014.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 257/2018/HS-ST ngày 17-7-2018, Tòa án nhân dân thành phố HN đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Đỗ Xuân T 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-9-2017.

Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc Đỗ Xuân T bồi thường cho Công ty TL (do ông QL đại diện) 38.000.000 đồng, bao gồm tiền sửa xe là 27.000.000 đồng và tiền thuê xe từ ngày 17-12-2013 đến ngày 27-12-2013 là 11.000.000 đồng.

Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về số tiền của chị NN nhận cầm cố xe cho T vay số tiền 250.000.000 đồng, khi chị NN có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-7-2018, bị cáo Đỗ Xuân T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 31-7-2018, nguyên đơn dân sự là Công ty TL có đơn kháng cáo đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho Công ty các khoản tiền sửa xe là 27.000.000 đồng và tiền thuê xe trả cho chủ xe là ông Bùi Thế Tăng từ ngày 17-12-2013 đến ngày 10-6-2014 là 196.000.000 đồng, tổng cộng là 223.000.000 đồng.

Trong giai đoạn phúc thẩm, ngày 06-12-2018, Tòa án cấp phúc thẩm đã có quyết định số 8165/2018/QĐ-TA trung cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố HN định giá lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe ô tô biển số 30Z-5783.

Tại Công văn số 782/HĐĐGTS ngày 13-02-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố HN trả lời yêu cầu nêu trên không thuộc trường hợp định giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản số 750/STC-QLG ngày 22-4-2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên đối với chiếc xe ô tô biển số 30Z-5783.

Bị cáo Đỗ Xuân T thừa nhận có hành vi nhờ anh B thuê xe ô tô (khi thuê xe bị cáo đã đặt cọc 10.000.000 đồng); sau đó mang xe giao cho chị NN quản lý để vay tiền, rồi bỏ trốn. Bị cáo xin giảm hình phạt với lý do: trước khi xét xử sơ thẩm vào ngày 13-01-2018, vì việc thuê xe liên quan đến anh B nên bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả là giao 50.000.000 đồng cho gia đình anh B, do vợ anh B là chị B nhận nhưng tình tiết này chưa được xem xét, số tiền này chưa trả lại cho Công ty TL để khắc phục hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh B thừa nhận liên quan đến việc bị cáo chiếm đoạt chiếc xe ô tô do bị cáo nhờ thuê, ngày 13-01-2018, vợ anh đã nhận 50.000.000 đồng của gia đình bị cáo. Số tiền này gia đình anh vẫn quản lý, anh đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho Công ty TL để khắc phục thiệt hại theo yêu cầu của bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự là L đã thay đổi kháng cáo chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số là 60.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng đặt cọc đã nhận).

Ngoài ra, nguyên đơn dân sự, bị cáo và anh B đã thỏa thuận các nội dung như sau: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TL tổng số là 60.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng đặt cọc, Công ty đã nhận khi cho thuê xe và anh B có trách nhiệm trả lại cho Công ty TL 50.000.000 đồng, là số tiền vợ anh B đã nhận của gia đình bị cáo vào ngày 13-01-2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về phần hình phạt.

Về dân sự: đề nghị xem xét chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét các thỏa thuận dân sự nêu trên, xem xét đến việc bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả là 50.000.000 đồng trước khi xét xử sơ thẩm để giảm hình phạt cho bị cáo và ghi nhận sự thỏa thuận về dân sự của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Vào ngày 17-12-2013, Đỗ Xuân T đã có hành vi gian dối thuê xe ô tô tự lái của Công ty TL, mang cầm cố cho chị NN lấy 250.000.000 đồng, rồi bỏ trốn, chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển số 30Z-5783 của Công ty TL. Theo kết luận định giá tài sản số 750/STC-QLG ngày 22-4-2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên, thì trị giá chiếc xe ô tô là 539.000.000 đồng. Bị cáo và các đương sự liên quan nhất trí với kết luận định giá này.

Bị cáo thực hiện tội phạm vào ngày 17-12-2013, trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01-01-2018). Về cơ bản quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 không có lợi hơn so với quy định của Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là không chính xác; không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong vụ án này, người bị hại là Công ty TL, không phải anh B. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 50.000.000 đồng để bồi thường cho đơn vị bị thiệt hại, trong đó vợ anh B là chị BT đã nhận số tiền này vào ngày 13-01-2018. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến tình tiết này đối với bị cáo là không đúng.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại bị hại, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án trước và sau khi xét xử sơ thẩm, nhân thân của bị cáo, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Luật sư giảm hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng; giáo dục, cải tạo trong việc xử lý tội phạm.

[2]. Về phần bồi thường dân sự

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TL là anh QL, bị cáo và anh B đã thỏa thuận về phần bồi thường dân sự. Cụ thể là: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TL tổng số là 60.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng đặt cọc, Công ty đã nhận của bị cáo khi cho thuê xe và anh B có trách nhiệm trả lại cho Công ty TL 50.000.000 đồng, là số tiền vợ anh B đã nhận của gia đình bị cáo vào ngày 13-01-2018.

Xét thấy thỏa thuận nêu trên của bị cáo và các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Công ty TL phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Sửa Bản án số 257/2018/HSST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố HN như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Đỗ Xuân T 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-9-2017.

2. Công nhận sự thỏa thuận về phần dân sự của các đương sự như sau:

Bị cáo Đỗ Xuân T bồi thường cho Công ty TL (do Lđại diện) 10.000.000 đồng. Xác nhận Công ty TL đã nhận số tiền này.

Anh B có trách nhiệm trả cho Công ty TL (do Lđại diện) số tiền 50.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bị cáo Đỗ Xuân T không phải nộp án phí phúc thẩm. Công ty TL phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty đã nộp số tiền này (do ông VĐ nộp thay) ngày 10-8-2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố HN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Công an tp. Hà Nội;
- Trại tạm giam CATP Hà Nội
(02 bản để giao cho bị cáo T 01 bản);
- Cục T.H.A DS tp. Hà Nội;
- Công ty TL;
- Anh B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tất Nam